

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 11- 2018

V/v ly hôn và tranh chấp về
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn D;
2. Bà Nguyễn Thị C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Hồng M**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Chị M có mặt

- Bị đơn: Anh **Võ Trung L**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

Anh L vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2018, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, đến năm 2011 thì chị và anh Võ Trung L tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm đầu. Cho đến đầu năm 2016 thì giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn: thường xuyên cãi vã, chửi bới lẫn nhau; tuy chung sống cùng một nhà nhưng phần ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đam mê cờ bạc nên thường xuyên lấy tiền trong nhà để đi đánh bạc, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh L không nghe; anh L thường xuyên đi qua đêm không về nhà, không có trách nhiệm với vợ con. Hai bên gia đình có hòa giải nhưng đều không có kết quả. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc,

mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng đến nay không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Võ Trọng N, sinh ngày 29/01/2011. Hiện nay con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị có nhà ở ổn định; chị làm nghề nông, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 5.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Võ Trung L:* Tòa án nhân dân huyện Đ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng bản sao tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án; Thông báo về phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng anh L đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc chấp hành của nguyên đơn theo giấy triệu tập của Tòa án đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm quyền giải quyết việc dân sự thuộc Tòa án nhân dân huyện Đ. Hôn nhân của chị M và anh L là hợp pháp; trong quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị M có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; Xét thấy, chị M có thu nhập ổn định, có nhà ở, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Nhân và hiện tại cháu N đang sinh sống với chị M và mong muốn được ở với mẹ. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 55, 56, 81, 82 và điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị M về yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là cháu N; Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, nội dung và hình thức đơn khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:* Chị Huỳnh Thị Hồng M có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo với hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật; tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Võ Trung L có nơi cư trú tại huyện Đ. Do đó, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Hồng M và anh Võ Trung L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh B vào ngày 11/3/2011. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Lời khai của chị M tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa cho thấy, giữa chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn: Thường xuyên cãi cọ, chửi bới lẫn nhau; tuy chung sống cùng một nhà nhưng phần ai nấy sống, không quan tâm lo lắng cho nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đam mê cờ bạc; anh L thường xuyên đi qua đêm không về nhà, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án ban hành trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng anh L không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị M. Việc anh L không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị M thể hiện anh L không có biểu hiện và ý thức cải thiện tình cảm với chị M. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị M và anh L tại địa phương, theo đó xác nhận mâu thuẫn của Anh Chị như chị M trình bày là sự thật. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh L có 01 con chung là: Võ Trọng N, sinh ngày 29/01/2011. Hiện nay con đang ở với chị M. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu N cũng muốn được ở với mẹ. Xét điều kiện thực tế của chị M thấy rằng: chị làm nghề nông, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 5.000.000 đồng/tháng, chị M có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, việc giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nguyện vọng của con, phù hợp với thực tế và đảm bảo lợi ích cao nhất cho con chưa thành niên.

Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; khoản 2 Điều 227; 228; 238; 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình,

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng M.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Hồng M được ly hôn với anh Võ Trung L.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Võ Trọng N, sinh ngày 29/01/2011 cho chị Huỳnh Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động, bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí:* Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Buộc chị Huỳnh Thị Hồng M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002663 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị M đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm; anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H